

Số: /QĐ-UBND

Hòa Hưng, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của UBND xã Hòa Hưng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA HƯNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018
của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng-Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 159 thủ tục hành
chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Hòa Hưng (có Danh mục kèm
theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của Chủ tịch UBND xã, về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND xã Hòa Hưng.

Điều 3. Công chức Văn phòng-Thống kê; các cán bộ, công chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Đỗ Đông Xuân

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ HÒA HƯNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 388/QĐ-UBND ngày 30/10/2024
của Chủ tịch UBND xã Hòa Hưng)*

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Lĩnh vực	Thủ tục hành chính
I. TƯ PHÁP-HỘ TỊCH		06	44
A	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (Quyết định số 1143/QĐ -UBND ngày 05/5/2023; Quyết định số 1659/QĐ -UBND ngày 30/6/2023; Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 08/11/2023)		
1.	Đăng ký khai sinh		
2.	Đăng ký kết hôn		
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		
5.	Đăng ký khai tử		
6.	Đăng ký khai sinh lưu động		
7.	Đăng ký kết hôn lưu động		
8.	Đăng ký khai tử lưu động		
9.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
10.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
11.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
12.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
13.	Đăng ký giám hộ		
14.	Đăng ký chấm dứt giám hộ		

15.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch		
16.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
17.	Đăng ký lại khai sinh.		
18.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.		
19.	Đăng ký lại kết hôn.		
20.	Đăng ký lại khai tử.		
21.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
22.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
23.	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí		
B. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (Quyết định số 1143/QĐ - UBND ngày 05/5/2023; Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 05/12/2023)			
24.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		
25.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
26.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		
C. LĨNH VỰC: CHỨNG THỰC (Quyết định số 1870/QĐ - UBND ngày 27/7/2021; Quyết định số 1143/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
27.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
28.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)		

29.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
30.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
31.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
32.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
33.	Chứng thực di chúc		
34.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
35.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
36.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
D. LĨNH VỰC: HÒA GIẢI CƠ SỞ (Quyết định số 1870/QĐ -UBND ngày 27/7/2021; Quyết định số 1143/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
37.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		
38.	Công nhận hòa giải viên		
39.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
40.	Thôi làm hòa giải viên		
41.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
D. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (Quyết định số 1143/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
42.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật		
43.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật		
E. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (Quyết định số 1143/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
44.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		
II.LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		06	45

B. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 11/3/2024)			
45.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm		
46.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
47.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		
48.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình		
49.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		
50.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
51.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		
52.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng		
53.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		
54.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.		
55.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.		
56.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.		
57.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.		
58.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.		
59.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		
C. LĨNH VỰC TRẺ EM (Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 26/3/20223)			
60.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp		

	hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		
61.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
62.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
63.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
64.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
65.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
D. LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 26/3/20223; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/01/2024)			
66.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình		
67.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện		
68.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		
E. LĨNH VỰC: NGƯỜI CÓ CÔNG (Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 26/3/20223; Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 26/5/20223; Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 29/12/2023)			
69.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công		
70.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
71.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
72.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an		
73.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		
74.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý		

75.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		
76.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		
77.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
78.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		
79.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
80.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
81.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
82.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		
83.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
84.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
85.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp.		
86.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
87.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
88.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,		

	Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
89.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia		
III. VĂN HÓA VÀ THỂ THAO		04	08
A. LĨNH VỰC VĂN HÓA (Quyết định số 1369/QĐ- UBND ngày 26/5/2023; Quyết định số 956/QĐ- UBND ngày 24/4/2024)			
90.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”		
91.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã		
B. LĨNH VỰC THƯ VIỆN (Quyết định 1369/QĐ- UBND ngày 26/5/2023; Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 24/01/2024)			
92.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		
93.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng.		
94.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		
C. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (Quyết định 2428/QĐ- UBND ngày 02/10/2023)			
95.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		
D. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 09/01/2024)			
96.	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân		
97.	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị		
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023)		01	05
98.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
99.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
100.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
101.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
102.	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề		

	ngụ thành lập)		
V. TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		02	02
A. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 05/9/2024)			
103.	Hòa giải tranh chấp đất đai		
B. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (Quyết định 1646/QĐ-UBND ngày 29/6/2023)			
104.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường		
VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI		01	09
A. LĨNH VỰC THỦY NỘI ĐỊA (Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 26/5/2023)			
105.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
106.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
107.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
108.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
109.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương		

	tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
110.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
111.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
112.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
113.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người).		
VII.NỘI VỤ		02	15
A. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (Quyết định số 407/QĐ- UBND ngày 22/02/2024)			
114.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng		
115.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề		
116.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất		
117.	Thủ tục tặng danh hiệu gia đình		
118.	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến		

B. LĨNH VỰC TÔN GIÁO (Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 24/7/2024)			
119.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng		
120.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
121.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		
122.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
123.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
124.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
125.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		
126.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		
127.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
128.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
VIII. THANH TRA		02	07
A. LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI TỔ CÁO (Quyết định số 1150/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
129.	Tiếp công dân tại cấp xã		
130.	Xử lý đơn tại cấp xã		
131.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã		
132.	Giải quyết tố cáo		
B. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (Quyết định số 1150/QĐ -UBND ngày 05/5/2023)			
133.	Kê khai tài sản, thu nhập		
134.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình		
135.	Thực hiện việc giải trình		
IX. NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		05	11
A. LĨNH VỰC THỦY LỢI (Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2023)			
136.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã		
137.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó		

	với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã		
138.	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).		
B. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2023)			
139.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa		
C. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 21/7/2023)			
140.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích		
D.LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2023)			
141.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		
142.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		
143.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		
144.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.		
145.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		
E.LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2023)			
146.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)		
X.Y TẾ		01	03
A.LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH (Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 16/5/2023)			
147.	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ		
148.	Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp		

	bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh		
149.	Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		
XI.LĨNH VỰC DÂN TỘC (Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 09/01/2024; Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày 06/8/2024)		01	05
150.	Thủ tục hành chính về “công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”.		
151.	Thủ tục hành chính về Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.		
152.	Thủ tục hành chính về “theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”		
153.	Thủ tục hành chính về “Kiểm tra Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”		
154.	Thủ tục hành chính về “Đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”		
XII.LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 09/01/2024)		01	02
155.	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân		
156.	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị		
XIII.LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 27/09/2024)		01	01
157.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên		
XIV.LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/09/2024)		01	01
158.	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.		
XV.LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 24/10/2024)		01	01
159.	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		